

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

1. Những vấn đề chung

Tên ngành đào tạo: QUẢN LÝ KINH TẾ

Tên tiếng Anh: ECONOMIC MANAGEMENT

Mã số: 9310110

Khoa chủ quản: Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh

2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo các cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn sâu, có khả năng nghiên cứu ở trình độ cao các lĩnh vực thuộc về kinh tế và quản lý, có tư duy khoa học, có khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề khoa học chuyên ngành và liên ngành, đồng thời có khả năng tham gia đào tạo bậc đại học và sau đại học.

3. Chuẩn đầu vào

Người học phải tốt nghiệp thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp hạng giỏi trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên); có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra

4.1. Yêu cầu về kiến thức

- Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện về quản lý kinh tế (CĐR 1.1)
- Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; (CĐR 1.2)
- Làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật, phát triển các nguyên lý, học thuyết của chuyên ngành; (CĐR 1.3)
- Có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh trong chuyên ngành; (CĐR 1.4)

3.2. Yêu cầu về kỹ năng

- Thành thạo trong xử lý các vấn đề về lý thuyết và thực hành nghề nghiệp; (CĐR 2.1)
- Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; (CĐR 2.2)
- Có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô trong nước và quốc tế; (CĐR 2.3)
- Có kỹ năng ngoại ngữ có thể hiểu được các báo cáo phức tạp về các vấn đề cụ thể và trù tượng, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành. Có thể giao tiếp, trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ với người bản ngữ; (CĐR 2.4)
- Có năng lực viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành và công bố quốc tế trên các tạp chí khoa học; (CĐR 2.5)

- Ứng dụng được một số phương pháp, kỹ thuật hiện đại trong hoạt động chuyên môn. (CDR 2.6)

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; (CDR 3.1)

- Đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến; (CDR 3.2)

- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; (CDR 3.3)

- Có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn; (CDR 3.4)

- Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới. (CDR 3.5)

5. Chương trình đào tạo

5.1. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo

a) Khối lượng kiến thức:

* Đối với người có bằng thạc sĩ

- Khối lượng kiến thức ở trình độ tiến sĩ: 8TC, trong đó gồm:

+ Các học phần bắt buộc: 4TC

+ Các học phần tự chọn: 4TC

- Khối lượng kiến thức tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ: 6TC

* Đối với người chưa có bằng thạc sĩ: phải hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế (trừ Luận văn thạc sĩ), sau đó tiếp tục chương trình như đối với NCS đã có bằng thạc sĩ.

b) Thời gian đào tạo:

Đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục; đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm tập trung liên tục.

5.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Khối lượng kiến thức phân bổ như sau:

TT	Mã số	Tên nhóm kiến thức và học phần		Số TC
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
5.1	Các học phần bắt buộc (4 TC)			
1	9070103	Sử dụng các công cụ tài chính trong điều hành kinh tế vĩ mô	Applying Financial Instruments in Macroeconomic Operations	2
2	9070102	Lý thuyết mô hình trong nghiên cứu kinh tế	Model Theory in Economic Research	2
5.2	Các học phần tự chọn (4TC)			
3	9070101	Đánh giá giá trị tổng hợp mỏ khoáng sản	Evaluating the Aggregate Value of Mineral Deposits	2
4	9070107	Lý thuyết về quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	Theory of Risk Management in Business Operation of	2

		nghiệp	Enterprises	
5	9070108	Quản lý tài nguyên và môi trường nâng cao	Advance environmental and resource management	2
6	9070106	Chiến lược cạnh tranh trong lĩnh vực Mỏ-Địa chất-Dầu khí	Competitive Strategy of Mining-Geology-Petroleum Sector	2

5.3. Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ: NCS lựa chọn tên tiểu luận tổng quan và các chuyên đề phù hợp với đề tài luận án tiến sĩ

TT	Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ			Số TC
1	9070109	Tiểu luận tổng quan		2
2	9070110	Chuyên đề 1		2
3	9070111	Chuyên đề 2		2

6. Kế hoạch đào tạo: (Đối với hệ đào tạo tập trung 3 năm)

TT	Mã số	Nội dung	Số TC	Học kỳ
6.1	Các học phần ở trình độ tiến sĩ			
6.1.1	Các học phần bắt buộc (4 TC)		4	
1	9070103	Sử dụng các công cụ tài chính trong điều hành kinh tế vĩ mô	2	1
2	9070102	Lý thuyết mô hình trong nghiên cứu kinh tế	2	1
6.1.2	Các học phần tự chọn (NCS chọn 4 TC)		4	
1	9070101	Đánh giá giá trị tổng hợp mỏ khoáng sản	2	2
2	9070107	Lý thuyết về quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	2	2
3	9070108	Quản lý tài nguyên và môi trường nâng cao	2	2
4	9070106	Chiến lược cạnh tranh trong lĩnh vực Mỏ-Địa chất-Dầu khí	2	2
6.2	Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ		6	
6.2.1	Tiểu luận tổng quan		2	2
6.2.2	Các chuyên đề tiến sĩ			
1	Chuyên đề 1		2	3
2	Chuyên đề 2		2	4
6.3	Bảo vệ luận án các cấp			
1	Bảo vệ luận án cấp cơ sở			5
2	Bảo vệ luận án cấp Trường			6

Ghi chú: Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ, trong năm thứ nhất phải học xong các học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo ngành tương ứng.

